

BÁO CÁO

**Kết quả công tác bảo vệ môi trường năm 2016
nhiệm vụ, giải pháp năm 2017
(Trình tại kỳ họp thứ ba, HĐND huyện khóa XXI)**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo công tác bảo vệ môi trường;

UBND huyện báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2016; nhiệm vụ, giải pháp năm 2017, cụ thể như sau:

I. HIỆN TRẠNG, DIỄN BIẾN CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG

1. Về môi trường đất

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2015, Yên Thế có diện tích đất tự nhiên 30.637,05 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 25.904,92 ha chiếm 84.55% so với tổng diện tích tự nhiên của huyện.

Các nguồn tiềm ẩn gây ô nhiễm môi trường đất gồm: Sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, hoạt động làng nghề, chất thải sinh hoạt, trang trại chăn nuôi tập trung... do tiếp nhận các nguồn nước thải, chất thải rắn có hàm lượng ô nhiễm cao cùng với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của huyện, số lượng các nguồn ô nhiễm môi trường đất và mức độ ảnh hưởng của các nguồn ô nhiễm này có xu hướng ngày càng gia tăng.

Theo kết quả quan trắc chất lượng môi trường năm 2015, tổng hữu cơ trong đất chiếm 1,89- 2,21%, tổng lân dễ tiêu (P_2O_5 dễ tiêu) nằm trong khoảng 7,22- 8,24 mg/100g, phù hợp với lượng chất hữu cơ trong nhóm đất phù sa và đất xám, cho thấy tất cả các mẫu đất đều chưa bị nhiễm bản bởi hữu cơ. Kim loại nặng trong đất cho thấy chất lượng môi trường đất trên địa bàn huyện Yên Thế hiện vẫn chưa có vấn đề khi hàm lượng kim loại nặng vẫn đang ở mức thấp và nằm trong QCVN 03- MT: 2015/BTNMT; hàm lượng kẽm dao động trong khoảng từ 59,34 đến 108,58 mg/kg đất khô, đạt trung bình $73,69 \pm 1,56$ mg/kg đất khô; hàm lượng đồng nằm trong khoảng từ 2,51 đến 10,87 mg/kg đất khô, đạt trung bình $4,88 \pm 3,99$ mg/kg đất khô; hàm lượng sắt (16,71- 50,34 mg/kg đất khô) và mangan (2,38- 5,67 mg/kg đất khô) đạt trung bình lần lượt là $25,68 \pm 16,45$ và $3,34 \pm 1,56$ mg/kg đất khô.

2. Về môi trường nước

Nguồn nước của Yên Thế có trữ lượng khá phong phú, chất lượng nguồn nước tự nhiên tương đối tốt, tuy nhiên phân bố không đồng đều theo thời gian và không gian; hệ thống thủy lợi của huyện đảm bảo đủ nguồn nước tưới, tiêu đáp ứng nhu cầu thâm canh, tăng năng suất cây trồng và nguồn nước cấp phục vụ dân sinh và các ngành kinh tế khác; tổng lưu lượng sử dụng nước ngầm khoảng 810 m³/ngày; lưu lượng khai thác sử dụng nguồn nước mặt khoảng 2.830 m³/ngày.

Theo kết quả điều tra, khảo sát đến hết năm 2015, trên địa bàn huyện Yên Thế vùng hạn chế khai thác nước ở khu vực thị trấn Cầu Gò với diện tích 1,9 km² là khu vực hiện tại có công trình cấp nước tập trung thị trấn Cầu Gò có công suất 700 m³/ngày đêm, khai thác nước từ nguồn nước mặt sông Sỏi, đủ cấp nước cho toàn thị trấn với nhu cầu sử dụng khoảng 450 m³/ngày đêm; các vùng được phép khai thác bao gồm 20/21 xã, thị trấn còn lại.

Các nguồn ô nhiễm môi trường nước của huyện bao gồm: Nước thải sinh hoạt; nước thải từ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, làng nghề; nước thải từ sản xuất nông nghiệp, từ quá trình nuôi trồng thủy sản, nước thải bệnh viện, nước thải từ các bãi rác và các nguồn khác.

- Hiện trạng chất lượng môi trường nước (Theo kết quả quan trắc, đánh giá năm 2015)

+ Chất lượng môi trường nước mặt

Để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn huyện Yên Thế, 09 điểm quan quan trắc đã được lấy mẫu và đo đạc phân tích, theo kết quả phân tích, hầu hết các mẫu nước mặt đều vượt quy chuẩn tại cột B1 đối với thông số về chất rắn lơ lửng (SS = 50 mg/l), mức vượt từ 1,14 đến 5,71 lần, chỉ có 1 mẫu nước mặt lấy tại sông Sỏi có giá trị SS nằm dưới quy chuẩn (SS = 4 mg/l). Trong đó hàm lượng SS đo đạc được cao nhất tại sông Thương (SS = 285 mg/l) tại địa điểm diễn ra hoạt động khai thác và tập kết cát sỏi. Hoạt động hút cát sỏi của các phương tiện giao thông thủy tại địa điểm này là nguyên nhân dẫn tới sự xáo trộn lòng sông và gia tăng chất rắn lơ lửng trong nước. Ngoài ra, một số điểm quan trắc khác cũng cho giá trị SS vượt QCVN trên 4 lần như nước suối Đồng Bục, nước sông Sỏi lấy tại vị trí cầu Nông Trường xã Đồng Tâm do chịu áp lực từ nước thải của cơ sở chế biến tinh bột sắn. So sánh giữa 2 điểm quan trắc trên sông Sỏi đoạn chảy qua xã Canh Nậu (SS = 4mg/l) và đoạn chảy qua vị trí cầu Nông Trường xã Đồng Tâm (SS = 245 mg/l) cho thấy đoạn tiếp nhận nước thải chế biến sắn đã làm gia tăng hàm lượng chất rắn lơ lửng trên 60 lần so với không tiếp nhận; các điểm quan trắc còn lại hầu hết có hàm lượng SS vượt quy chuẩn B1 từ 2,5 đến dưới 4 lần. Chất rắn lơ lửng ảnh hưởng rất nhiều đến độ đục ở trong nước, độ đục gia tăng làm giảm khả năng truyền quang trong nước, ảnh hưởng đối với thủy sinh vật trong thủy vực. Nhất là đối với những hồ chứa sâu như hồ Cầu Rễ, độ đục lớn sẽ gây ra phân tầng mạnh ở trong hồ theo mùa. Hiện tượng phân tầng gây ra một môi trường yếm khí dưới đáy hồ,

tạo điều kiện sự quay trở lại của một số chất dinh dưỡng hoặc chất độc tích tụ ở trong bùn, đây là một vấn đề cần quan tâm.

Các thông số khác, bao gồm ion clo và kim loại nặng (trừ sắt) hầu hết đều nằm dưới quy chuẩn cho phép nhiều lần. Hàm lượng sắt đã được phát hiện tại tất cả các mẫu nước mặt quan trắc. Ngoại trừ hồ Cầu Rễ ($Fe = 0,19 \text{ mg/l}$), các mẫu nước mặt còn lại đều có nồng độ sắt dao động từ 0,91 đến 2,96 mg/l, đây là mức nồng độ từ xấp xỉ quy chuẩn cho đến vượt QCVN 08- MT: 2015/BTNMT: So sánh tại cột B1 là 3 lần. Hồ Cầu Rễ có dung tích chứa lớn, lại ít chịu tác động bởi nước thải nên hàm lượng Fe còn tương đối thấp.

+ Chất lượng môi trường nước ngầm

Nhìn chung, là một huyện miền núi của tỉnh Bắc Giang ít chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động sản xuất công nghiệp, theo kết quả quan trắc tại 05 điểm đại diện ở 05 xã (Đông Sơn, Bồ Hạ, Hương Vỹ, Phồn Xương, Canh Nậu) có nguy cơ ô nhiễm do ảnh hưởng của các hoạt động làng nghề, sản xuất và chế biến nông lâm sản cho thấy chất lượng nước ngầm tại Yên Thế hiện vẫn chưa có vấn đề về môi trường. Bên cạnh đó, đa phần người dân đều sử dụng giếng khoan có độ sâu trung bình trên 30m (xã Bồ Hạ sử dụng giếng khoan sâu 60m), nước được đưa lên từ tầng chứa nước vĩnh viễn (không phải tầng chứa nước tạm thời) do vậy nước có chất lượng tốt và hạn chế sự xâm nhập của các chất ô nhiễm. Tuy nhiên do đặc thù về địa chất, nước ngầm tại một số khu vực huyện có độ cứng và hàm lượng sắt cao như xã Canh Nậu, Đông Sơn, Hương Vĩ gây ảnh hưởng tới sinh hoạt của người dân. Do đó cần khuyến cáo các hình thức xử lý nước phù hợp, đảm bảo chất lượng nước phục vụ cho sinh hoạt, đời sống.

3. Môi trường không khí

Nhận định chung về chất lượng không khí cho thấy các điểm được chọn để tiến hành quan trắc tuy đang chịu áp lực từ các hoạt động như sản xuất vôi cay, các hoạt động chế biến nông lâm sản (băm, bóc gỗ) hay từ các bãi chôn lấp nhưng chất lượng không khí vẫn còn khá tốt, hầu hết các thông số đều dưới giá trị cho phép của quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng không khí xung quanh. Tuy nhiên, nồng độ SO_2 và NO_2 tại một số khu vực đã có dấu hiệu vượt hoặc xấp xỉ với QCVN cho thấy những ảnh hưởng tới môi trường đang đi theo hướng tiêu cực. Nồng độ bụi cũng có xu hướng gia tăng tại các khu vực sản xuất vôi cay và băm, bóc gỗ. Đặc biệt, ở các khu vực trung tâm làng nghề nung vôi Hương Vĩ, dọc theo con đường nối từ thị trấn Bồ Hạ vào Mỏ than Bồ Hạ. Hoạt động của làng nghề thường mang tính phân tán rất khó kiểm soát các vấn đề môi trường.

Theo kết quả quan trắc môi trường năm 2015 cho thấy:

Nồng độ các khí SO_2 , NO_2 , CO, O_3 , bụi tổng số (TSP) và Pb tại các điểm quan trắc không khí xung quanh trên địa bàn huyện Yên Thế hầu hết đều nằm trong ngưỡng cho phép. Cụ thể, nồng độ SO_2 dao động trong khoảng từ 92- 360 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, ngoại trừ mẫu khí tại xã Hương Vĩ (360 $\mu\text{g}/\text{m}^3$) nồng độ SO_2 tại các vị trí đo đặc vẫn nằm trong QCVN (350 $\mu\text{g}/\text{m}^3$). Các khu vực làng nghề và bãi chôn lấp rác thải như làng nghề vôi cay tại hai xã Đông Sơn và Hương Vĩ là những nơi có hàm lượng SO_2 khá cao do quá trình đốt các nhiên liệu than dầu trong quá trình

sản xuất. Bên cạnh đó, nồng độ SO_2 còn được ghi nhận trong khoảng 260- 278 $\mu\text{g}/\text{l}$ tại vị trí xung quanh bãi chôn lấp rác thải tại TT. Bó Hạ và xã Tam Tiến.

Nồng độ NO_2 dao động trong khoảng 54,3- 178,5 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ thấp hơn so với ngưỡng QCVN. Tuy nhiên tương tự như SO_2 , các điểm lấy mẫu xung quanh các bãi chôn lấp rác tại TT. Bó Hạ và xã Tam Tiến có giá trị NO_2 tiệm cận với quy chuẩn. Điều này cho thấy một thực tế rác trong quá trình tập kết không có bất cứ hình thức che phủ nào dẫn tới việc phát sinh các chất khí từ quá trình phân hủy. Quá trình tập kết rác lộ thiên không có lớp che phủ cũng là nguồn phát tán chất ô nhiễm khác và vi khuẩn gây bệnh, gây ảnh hưởng tới sức khỏe người dân.

Nồng độ TSP tại các vị trí lấy mẫu dao động trong khoảng 61,5 đến 180,4 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, đều nằm dưới ngưỡng quy chuẩn cho phép từ 1,6 đến 4,8 lần. Tuy nhiên, nồng độ TSP trong không khí xung quanh có xu hướng tăng cao tại khu vực tập trung nhiều xưởng băm, bóc gỗ (xã Canh Nậu và xã Tiến Thắng) và làng nghề sản xuất vôi cay xỉ (xã Đông Sơn và Hương Vĩ).

Nồng độ O_3 tại các điểm quan trắc dao động hẹp hơn so với SO_2 và NO_2 , ổn định trong khoảng 20- 40 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, nhỏ hơn nhiều so với ngưỡng QCVN 200 $\mu\text{g}/\text{m}^3$. Nồng độ CO trong không khí dao động trong khoảng từ 2800- 5700 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, đạt trung bình $4712 \pm 2074 \mu\text{g}/\text{m}^3$. Hầu hết không phát hiện thấy nồng độ Pb trong các vị trí tiến hành quan trắc, ngoại trừ mẫu không khí đo đạc tại khu vực chợ trung tâm xã Xuân Lương ($\text{Pb} = 0,054 \mu\text{g}/\text{m}^3$), tuy nhiên mức phát hiện thấy rất nhỏ và dưới quy chuẩn nhiều lần.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công tác truyền truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Tổ chức các ngày truyền thống

Tổ chức Chương trình mít tinh Ngày Môi trường Thế giới (5/6), Ngày Đại dương Thế giới (8/6), Tuần Lễ Biển và Hải đảo Việt Nam năm 2016, Hội thi Bảo vệ môi trường năm 2016; ngoài ra, UBND huyện còn chỉ đạo treo băng rôn, khẩu hiệu hưởng ứng Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học (22/5), Ngày đất ngập nước, Ngày nước Thế giới, Giờ Trái đất, Tuần lễ Nước sạch và Vệ sinh môi trường, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn năm 2016.

b) Công tác tuyên truyền

Trên cơ sở kế hoạch, sự chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội của huyện, các cơ quan chuyên môn liên quan, Đài Truyền thanh – TH huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức tốt công tác tuyên truyền phổ biến Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện. Hàng năm, từ 2006 đến nay, Đài truyền thanh và Truyền hình huyện xây dựng Chuyên mục tuyên truyền về bảo vệ môi trường, phát sóng 02 chuyên mục/tuần; hàng năm, tổ chức hội thi tuyên truyền về pháp luật bảo vệ môi trường với nhiều thể loại phong phú, phản ánh thực trạng vấn đề môi trường ở địa phương, cơ sở và gương điển hình tiên tiến trong công tác này. Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện tổ chức tuyên truyền trực quan về pháp luật bảo vệ môi

trường bằng pano, khẩu hiệu và tuyên truyền lưu động... Qua công tác tuyên truyền đã tích cực góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về pháp luật bảo vệ môi trường, từ đó chung tay bảo vệ, xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường ở địa phương, cơ quan, đơn vị bằng những việc làm cụ thể trong từng thời gian.

2. Tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện

Từ năm 2008 đến nay, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo, đưa việc đăng ký cam kết bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh, doanh đi vào nền nếp; yêu cầu các dự án mới đầu tư vào địa bàn phải lập cam kết bảo vệ môi trường theo quy định. Hồ sơ cam kết bảo vệ môi trường theo đúng hướng dẫn, gồm:

- + 01 bộ dự án đầu tư hoặc phương thức sản xuất kinh doanh (nếu có);
- + 03 quyển Kế hoạch bảo vệ môi trường.

Cấp giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản cho 130 cơ sở sản xuất, kinh doanh (bằng 100% số đề nghị); giao cho cơ quan chuyên môn thường xuyên theo dõi, kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh trong việc thực hiện theo các nội dung bảo vệ môi trường đã cam kết; cử cán bộ đến tận cơ sở hướng dẫn các doanh nghiệp làm đề án bảo vệ môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chỉ đạo đơn vị chuyên môn phối hợp với UBND các xã, thị trấn trong quá trình thực hiện rà soát, thông báo và đôn đốc hướng dẫn các đối tượng sản xuất, kinh doanh quy mô hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện hoàn thành việc lập và xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

Về cơ bản, các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã có thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường và chấp hành tương đối tốt. Qua kết quả khảo sát, lấy mẫu giám sát định kỳ tháng 8/2016 tại 03 công ty may: Công ty TNHH SJ Global, Công ty TNHH C&M ViNa, Công ty TNHH MTV Dệt may QT; 02 trang trại chăn nuôi lợn có quy mô lớn: Trang trại chăn nuôi của ông Nguyễn Văn Quảng, xã An Thượng và trang trại chăn nuôi của bà Phạm Thị Tuyết; Bệnh viện Đa khoa huyện là các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao trên địa bàn huyện. Kết quả quan trắc cho thấy cơ bản các chất gây ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn 08: 2015 quy chuẩn về chất lượng nước mặt với mục đích sử dụng nước tưới tiêu, nông nghiệp, giao thông... không sử dụng vào mục đích nước sinh hoạt. Một số các thông số BOD₅, COD, DO, TSS vượt quá tiêu chuẩn cho phép 2- 3 lần, có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, giảm khả năng truyền ánh sáng và quang hợp của vi sinh vật.

3. Công tác thu gom, xử lý rác thải

Tổng số tổ, đội vệ sinh môi trường, tổ tự quản về môi trường được thành lập và hoạt động trên địa bàn huyện là 212 tổ, đội, đạt 100% số thôn, bản trên địa bàn toàn huyện. Trong đó: Số tổ tự quản về môi trường là 212 tổ do chi hội phụ nữ hoặc chi hội nông dân các thôn, bản trực tiếp đảm nhiệm; tổ đội vệ sinh môi trường

tại trung tâm các xã, thị trấn nơi tập trung lượng lớn rác thải là 10/21 xã có tổ, đội. So với thời điểm Đề án thu gom, vận chuyển rác thải khu vực nông thôn được phê duyệt và tổ chức thực hiện; số tổ, đội vệ sinh chuyên làm công tác môi trường được kiện toàn và hoàn thành tốt hơn công tác thu gom xử lý, đảm bảo không còn điểm tồn lưu rác thải lâu ngày gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn.

UBND huyện đã đầu tư 02 xe ô tô vận chuyển rác thải sinh hoạt, 03 cặp xe ngựa, 02 bãi chôn lấp rác thải tập trung là nơi tập kết rác thải của nhiều cụm xã lân cận và trong năm 2015 vừa cấp mới 116 xe gom rác, 235 thùng đựng rác và 46 bộ đồ bảo hộ lao động cho các tổ, đội làm công tác vệ sinh môi trường tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện; việc xây dựng cơ sở hạ tầng để xử lý hoặc giảm thiểu ô nhiễm môi trường luôn được các cấp chính quyền từ huyện đến xã quan tâm, đặc biệt huyện đã đầu tư xây dựng 2 bãi chôn lấp rác thải tập trung tại xã Tam Tiến và TT Bồ Hạ để xử lý rác tại hai thị trấn và vùng lân cận, riêng năm 2016, từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, huyện Yên Thế đã được lắp đặt 01 lò đốt rác thải sinh hoạt tại xã An Thượng đã góp phần giảm thiểu nguy cơ quá tải về xử lý rác khu vực cụm xã phía Nam của huyện, trong những năm tới các xã tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng nơi chứa, xử lý rác tại các thôn theo Quy hoạch nông thôn mới.

Về xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường đã được các cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo, đã có nhiều mô hình tự quản về môi trường do các đoàn thể tổ chức được phát động, duy trì tốt. Chỉ tiêu thu phí vệ sinh môi trường đến năm 2017 là 10/19 xã trên địa bàn, kết quả đã có 09/10 xã triển khai thu phí vệ sinh môi trường để nâng cao nhận thức và bảo đảm kinh phí phục vụ cho công tác xử lý về môi trường. Mức thu bình quân từ 10.000đ - 20.000 đồng/hộ/tháng, tùy thuộc vào từng đối tượng xả thải.

Về thu gom, xử lý rác thải: Tỷ lệ rác thải khu vực nông thôn được thu gom, xử lý đạt tỷ lệ trên 41%. Khối lượng rác thải phát sinh trên địa bàn toàn huyện khoảng 20-22 tấn/ngày, khối lượng rác thải thu gom được và đưa về bãi chôn lấp và lò đốt thủ công để xử lý khoảng 16 tấn/ngày.

Đối với đô thị: Khoảng 90% - 95% lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại thị trấn Cầu Gò và thị trấn Bồ Hạ được tổ vệ sinh môi trường thu gom vận chuyển về 02 bãi rác thải tập trung của huyện để xử lý. Phần lớn chất thải đô thị trên địa bàn, hình thức tiêu hủy chất thải phổ biến vẫn là đổ ở bãi rác và tiến hành chôn lấp. Do điều kiện nguồn vốn đầu tư hạn chế nên đa phần các hình thức xử lý này đều chưa đảm bảo hợp vệ sinh, vẫn còn các bãi rác chôn lấp được vận hành không đúng kỹ thuật phát sinh nhiều vấn đề ảnh hưởng môi trường cho dân cư quanh vùng, như nước bãi rác chảy ra làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm, gây ô nhiễm không khí, là ổ phát sinh ruồi, muỗi, chuột, bọ... Tuy đã có nhiều cố gắng trong công tác thu gom, xử lý nhưng do điều kiện trên địa bàn còn thiếu các hệ thống xử lý chất thải công nghiệp nguy hại và các cơ chế khuyến khích việc thực hiện những biện pháp tiêu hủy an toàn, cũng như vấn đề phân loại rác để tái chế, tái sử dụng và thải bỏ, xử lý các loại chất thải rắn đô thị chưa đáp ứng được theo thực tế phát sinh.

Đối với khu vực nông thôn và các khu dân cư: Toàn huyện có 21 xã, thị trấn; trong đó có 19 xã với diện tích đất khu dân cư nông thôn là 1394,99 ha, dân số nông thôn có khoảng 92.000 nhân khẩu, diện tích đất rộng, dân cư thưa thớt vì vậy hoạt động thu gom, xử lý chất thải, chủ yếu vẫn là do các hộ gia đình tự xử lý và thu gom tại chỗ. Hình thức được sử dụng nhiều nhất là đốt hoặc chôn lấp. Các tổ đội thu gom chất thải rắn hiện đã bắt đầu hình thành, các tổ tự quản thuộc các thôn, bản hoạt động thường xuyên theo tháng. Tuy nhiên vấn đề hiện nay là tài chính, cơ chế hỗ trợ, phương tiện hoạt động của các tổ đội thu gom còn thiếu, việc thu gom xong không biết xử lý ra sao đang là bài toán khó giải với khu vực nông thôn trên địa bàn. Ở đa phần các vùng nông thôn hiện nay, không có một đội thu gom chuyên nghiệp nào hoạt động thường xuyên, các hình thức thu gom hiện tại chủ yếu là do hoạt động thu gom định kỳ của các tổ chức tại nông thôn như chi đoàn thanh niên hay chi hội phụ nữ, nên chưa thể giải quyết triệt để vấn đề thu gom, xử lý rác thải.

4. Công tác bảo vệ môi trường tại khu vực làng nghề

Hiện nay, huyện Yên Thế có 09 làng nghề thủ công gồm: 01 làng nghề truyền thống mây tre đan ở thôn Sỏi xã Bồ Hạ; 07 làng nghề cay vôi thuộc xã Hương Vỹ và 01 làng nghề cay vôi thuộc xã Đông Sơn;

* Đối với các làng nghề sản xuất vôi, cay

+ Tổng số hộ dân làm nghề cay vôi: 176 hộ gia đình, cá nhân.

+ Công nghệ áp dụng cho sản xuất vào lò, ra lò bằng băng chuyền, cần cầu đối với những lò liên hoàn (chiếm 10%), những lò thông thường vẫn vào, ra lò bằng thủ công, đối với sản xuất cay xi, công nghệ áp dụng gồm: Có máy nghiền, máy đảo, máy đóng cay.

+ Tình hình môi trường: Người dân làm nghề ở đây đã có ý thức bảo vệ môi trường vì những hộ làm nghề đều sản xuất trên diện tích đất của gia đình và sống với nghề này đã nhiều năm nay, do đó các hộ đều có ý thức bảo vệ môi trường cho gia đình và những hộ xung quanh.

+ Các chương trình, đề án của Nhà nước cho làng nghề mới chỉ là hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn trên cơ sở Nhà nước và nhân dân cùng làm.

* Làng nghề truyền thống mây tre đan thôn Sỏi xã Bồ Hạ

+ Số hộ dân trong làng là 240 hộ, trong đó có 102 hộ tham gia làm nghề mây tre đan, chiếm 42,5% số hộ trong làng.

+ Công nghệ hoạt động chủ yếu là các động cơ cưa, cắt nhỏ và thủ công.

+ Về môi trường đối với ngành nghề mây tre đan chủ yếu là tre, nứa, dùng phân... các phế thải đều được tận dụng làm chất đốt phục vụ cho gia đình, không gây ô nhiễm ảnh hưởng môi trường xung quanh. Giai đoạn năm 2013 đến nay do nhiều nguyên nhân, nên một số hộ đã không theo nghề, nhiều hộ gia đình đã xây dựng cơ sở vật chất như: Xây lò sấy, công trình phục vụ sản xuất... nhưng do nguồn cung cấp nguyên liệu và thị trường tiêu thụ khó khăn, nên số lượng cũng như thời gian đốt bị giảm đi đáng kể.

Công tác bảo vệ môi trường đối với xã Đông Sơn, Hương Vỹ nói chung và các làng nghề nói riêng hiện đang được các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương quan tâm tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí cho công tác vệ sinh môi trường: 8/8 làng nghề đã thành lập các tổ, đội thu gom vệ sinh môi trường, 5/7 làng nghề có hỗ trợ xây dựng lò đốt chất thải sinh hoạt và các thiết bị hỗ trợ công tác thu gom vệ sinh môi trường. Cơ bản các làng nghề đã có quy ước hoạt động vệ sinh môi trường và thực hiện thu gom tập trung với tần suất 01 lần/tuần vào thứ 7 hàng tuần.

Nhìn chung, tình trạng ô nhiễm do chất thải rắn phát sinh tại các làng nghề cay vôi đã cải thiện đáng kể, toàn bộ lượng chất thải rắn được tận dụng san lấp mặt bằng, đối với khí thải, đã không còn hiện tượng ô nhiễm cục bộ như năm 2013 trở về trước, do số hộ vận hành số lò nung đốt giảm đi đáng kể, tần suất hoạt động của mỗi lò cũng không thường xuyên do nhiều nguyên nhân, đặc biệt lượng rác thải sinh hoạt đã được thu gom và xử lý triệt để đảm bảo cho sự phát triển lâu dài của làng nghề truyền thống.

5. Về công tác thanh tra, kiểm tra

Về cơ bản các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc địa bàn huyện đã có ý thức giữ gìn bảo vệ môi trường, song bên cạnh đó còn có những cơ sở vì lợi ích kinh doanh mà bất chấp những sai phạm trong hoạt động sản xuất, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng như: Cơ sở chế biến tinh bột sắn hộ gia đình bà Vi Thị Ly, xã Tiên Thắng và hộ chế biến tinh bột sắn Nguyễn Văn Hiệp, xã Đồng Tâm với hành vi xả nước thải sản xuất không qua xử lý ra môi trường gây ô nhiễm nghiêm trọng, và gây bức xúc trong nhân dân; đã được xử lý.

Riêng năm 2016, UBND huyện đã thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành theo Quyết định số 5082/QĐ-UBND và Quyết định số 3449/QĐ-UBND tổ chức kiểm tra về lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện; đến nay, công tác kiểm tra luôn được thực hiện thường xuyên, kết quả: Qua nhiều lần kiểm tra, nhắc nhở, Đoàn Kiểm tra liên ngành phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra, ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 08 trường hợp với tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 132 triệu đồng và yêu cầu đình chỉ sản xuất, khắc phục ô nhiễm và xây dựng hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định. Đến nay, mùa sắn đã vào vụ thu hoạch, cơ sở sản xuất tinh bột sắn của hộ Vi Thị Ly không hoạt động, cơ sở sản xuất tinh bột sắn Nguyễn Văn Hiệp tại xã Đồng Tâm khi có hiện tượng hoạt động trở lại, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Công an huyện, UBND xã Đồng Tâm lập biên bản yêu cầu dừng hoạt động và giao UBND xã Đồng Tâm giám sát, kiểm tra chặt chẽ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường đã được tổ chức thường xuyên, có hiệu quả, huy động được nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Công tác quản lý nhà nước về môi trường đã từng bước đi vào nền nếp. Công tác phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ô nhiễm môi trường, công tác kiểm tra, thanh tra, phát hiện xử lý vi

phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được tăng cường và có hiệu quả hơn. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã quan tâm, đầu tư kinh phí cho công tác BVMT.

Việc triển khai Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới đã góp phần tích cực vào việc cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường khu vực nông thôn; vấn đề thu gom, xử lý rác thải từng bước được cải thiện; công tác xã hội hóa thực hiện bảo vệ môi trường có xu hướng phát triển tốt.

2. Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị

2.1. Những khó khăn, vướng mắc

Về cơ sở pháp lý: Việc bảo đảm thi hành pháp luật ở địa phương được thực hiện dựa trên cơ sở các quy định của pháp luật về thẩm quyền của chính quyền địa phương.

Hệ thống văn bản quy định về bảo vệ môi trường, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường thường xuyên được ban hành và điều chỉnh thiếu đồng bộ, gây khó khăn cho việc thực hiện và áp dụng trên địa bàn. Việc áp dụng các chế tài xử phạt đối với các hộ dân (đặc biệt là hộ nghèo) trên địa bàn huyện còn gặp khó khăn.

Điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí, trang thiết bị phục vụ cho công tác theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường chưa bảo đảm, chưa đáp ứng được yêu cầu (đặc biệt là các trang thiết bị phục vụ cho việc quan trắc môi trường, phân tích mẫu ...).

Việc phát hiện, kiểm tra và xử lý kịp thời các vi phạm về bảo vệ môi trường chưa được thường xuyên và chưa quyết liệt.

Ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của một số cơ sở sản xuất còn hạn chế.

Đối với các hộ gia đình chăn nuôi và sản xuất theo mô hình tự phát (theo biến động thị trường) ý thức chấp hành pháp luật còn ở mức thấp, gây khó khăn cho cán bộ và chính quyền trong thực thi nhiệm vụ.

Cán bộ làm công tác môi trường tại các xã, thị trấn chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa có cán bộ chuyên trách và chưa được đào tạo bài bản về chuyên môn, trong xử lý vụ việc còn lúng túng, vướng mắc, chưa thực hiện hết chức năng và chưa xử lý đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

2.2. Đề xuất, kiến nghị

Đối với các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật, cần đổi mới hoạt động để nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, tạo ra hệ thống pháp luật đồng bộ bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật mang tính khả thi cao, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện và mang tính ổn định cao. Đây là yêu cầu quan trọng làm cơ sở cho việc bảo đảm thi hành pháp luật, nhất là ở địa phương.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường ở địa phương, trong đó có việc quy định cụ thể hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân và nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra của Ủy ban nhân dân các cấp, đặc biệt là cấp xã trong việc phát hiện, xử lý và kiến nghị xử lý vi phạm ngay từ khi các cơ sở mới có hành vi vi phạm; gắn trách nhiệm quản lý môi trường trên địa bàn quản lý với trách nhiệm của người đứng đầu địa

phương để đưa cấp chính quyền cơ sở vào cuộc, nâng cao trách nhiệm của cấp chính quyền cơ sở (cấp xã) trong công tác bảo vệ môi trường.

Nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ, công chức cơ sở trong việc triển khai thi hành các quy định của pháp luật và bảo đảm thi hành pháp luật về môi trường ở địa phương.

Tăng cường các điều kiện cho việc bảo đảm thi hành pháp luật về môi trường ở địa phương từ việc cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản pháp luật đến các điều kiện để tổ chức thi hành pháp luật và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị tạo thành sức mạnh tổng hợp trong việc thi hành pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở địa phương.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2017

1. Nhiệm vụ

1.1. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với Ủy ban MTTQ, các ban ngành đoàn thể tổ chức tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện: Tập trung triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường 2014; các nghị định, thông tư về lĩnh vực bảo vệ môi trường và tài nguyên nước; tổ chức hướng dẫn các hộ dân thu gom và phân loại, xử lý rác thải nông thôn theo phương pháp hố rác, thùng rác gia đình.

Tổ chức tập huấn nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ, công chức cấp cơ sở trong việc triển khai thi hành các quy định của pháp luật và bảo đảm thi hành pháp luật về môi trường ở địa phương;

1.2. Tập trung xử lý dứt điểm các khu vực trọng điểm ô nhiễm có đơn thư, khiếu kiện về môi trường; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường ở địa phương.

1.3. Tổ chức, triển khai xây dựng Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2017.

2. Giải pháp

Tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật; tiếp tục tăng cường, đổi mới công tác tập huấn, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức tự giác bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên nước, bảo tồn đa dạng sinh học cho các cơ quan, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện.

Nâng cao trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, phát hiện, xử lý và kiến nghị xử lý vi phạm ngay từ khi các cơ sở mới có hành vi vi phạm; gắn trách nhiệm quản lý môi trường trên địa bàn quản lý với trách nhiệm của người đứng đầu địa phương để đưa cấp chính quyền cơ sở thực sự vào cuộc trong công tác bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả áp dụng các công cụ trong quản lý môi trường, cụ thể :

Nâng cao chất lượng thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường đơn giản, kế hoạch bảo vệ môi trường; tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện

báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, giấy phép xả thải, sự cố môi trường...

Phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch quan trắc môi trường nhằm theo dõi diễn biến chất lượng môi trường trên địa bàn huyện.

Hàng năm lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra bảo vệ môi trường tại các cụm, điểm công nghiệp; các khu vực khai thác khoáng sản; xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm.

Tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn tại về ô nhiễm môi trường gây bức xúc trong cộng đồng.

Tăng cường, chỉ đạo thu gom, xử lý rác thải nông thôn hợp vệ sinh, trong đó có việc đầu tư xây dựng lò đốt rác sinh hoạt tại Bãi rác tập trung xã Tam Tiến. Thực hiện tốt chương trình cải thiện vệ sinh môi trường lồng ghép vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới./.

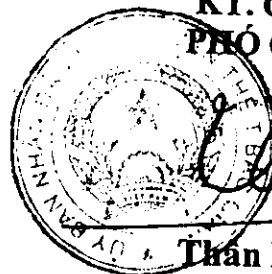
Nơi nhận:

- TTHU, HĐND, UBND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện
- Các đại biểu dự kỳ họp thứ ba, HĐND huyện khóa XXI;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Thần Minh Sâm

